TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-01-2022
V/v: không công nhận quan hệ vợ chồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Nguyễn Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vàng A Lù.
2. Ông Đỗ Văn Bách.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Diệp Linh – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 131/2021/DSST-TB ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đặng Thị M, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Triệu Tài X, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn N, xã N1, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2021 và tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Thị M trình bày:

Chị M và anh Triệu Tài X chung sống như vợ chồng từ tháng 5 năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương, cả hai chung sống tại hộ ông Triệu Tài T (là chú ruột của anh X) tại thôn N, xã N1, huyện V một thời gian rồi tách ra ở riêng. Quá trình chung sống đến tháng 12/2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh X bỏ nhà đi làm ăn xa, không mang tiền về và cũng ít khi về gia đình. Đến tháng 7/2020 chị M đã chuyển hộ khẩu về thôn H, xã N, huyện Văn Chấn sinh sống, khi chị M cắt chuyển hộ khẩu, anh X có về làm thủ tục, khi đó chị M thông báo cho anh X về việc có ý định ly hôn với anh X, anh X trả

lời mặc kệ chị M tự giải quyết tại Tòa án. Đến nay chị M xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X.

Về con chung: Chị M và anh X có 1 con chung là Triệu Thị N, sinh năm 1999, con chung đã trưởng thành khỏe mạnh, có công việc ổn định nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị M cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gồm: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Giấy xác nhận hộ khẩu của Triệu Tài X, Bản sao chứng minh nhân dân Đặng Thị M; Bản sao sổ hộ khẩu của Triệu Tài X và Bàn Kim T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng tại các buổi làm việc anh X đều vắng mặt. Xác minh tại nơi cư trú của các đương sự được ông Triệu Tài T là chú ruột anh X cung cấp thông tin như sau: Hiện tại anh X không có mặt tại địa phương, anh X không có nhà riêng, sau khi chấp hành án phạt tù về anh X ở tại nhà ông T thời gian ngắn rồi đi làm ăn xa, anh X rất ít khi về địa phương nhưng thỉnh thoảng vẫn gọi điện liên lạc với ông T. Sau khi Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án về địa phương, ông T đã thông báo cho anh X được biết, anh X có thông tin lại với ông Thanh là không đồng ý ly hôn với chị M nhưng do hiện anh X đi làm xa và do dịch bệnh COVID nên anh X không về để giải quyết vụ án được. Xác minh tại UBND xã N1 được cung cấp: Sau khi kiểm tra toàn bộ sổ đăng ký hộ tịch của xã N1 không thấy có trường hợp đăng ký kết hôn giữa chị Đặng Thị M và anh Triệu Tài X.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho các đương sự hợp lệ.

Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng quy định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 (LHNGĐ 2014) không công nhận chị Đặng Thị M và anh Triệu Tài X là vợ chồng. Không giải quyết việc nuôi con chung và chia tài sản chung, thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản. Chị Đặng Thị M phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Chị Đặng Thị M và anh Triệu Tài X được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Triệu Tài X đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã N1, huyện V, tỉnh Yên Bái vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 8 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Tòa án đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại phiên tòa cho các đương sự. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Chị Đặng Thị M và anh Triệu Tài X bắt đầu chung sống với nhau tại thôn N, xã N1, huyện V từ tháng 5/1999. Việc Chị M và anh X chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn được ông Triệu Tài T là chú ruột anh X và UBND xã N1 xác nhận. Việc chung sống như vợ chồng còn được thể hiện ở các tài liệu chứng cứ khác là sổ hộ khẩu có ghi chủ hộ Triệu Tài X và vợ là Đặng Thị M. Tại thời điểm bắt đầu chung sống vào tháng 5 năm 1999 là thời điểm Luật hôn nhân và gia đình 1986 (LHNGĐ 1986) có hiệu lực, chị M và anh X có đủ điều kiện kết hôn nhưng cả chị M và anh X vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định đã vi phạm Điều 8 LHNGĐ 1986, nội dung Điều luật ghi

"Điều 8

Việc kết hôn do Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định.

Việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với nhau ở ngoài nước do cơ quan đại diện ngoại giao của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận.

Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý."

Chị Đặng Thị M đề nghị giải quyết ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn thụ lý vụ án để xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị M và anh Triệu Tài X là đúng theo quy định của khoản 2 Điều 53 LHNGĐ.

2.2 Về con chung: chị Đặng Thị M và anh Triệu Tài X có 01 con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh nên HĐXX không xem xét.

2.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn Đặng Thị M phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[5] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 8 LHNGĐ 1986; Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của LHNGĐ 2014.

- Căn cứ các Khoản 8 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị M và anh Triệu Tài X.

2. Chị Đặng Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0000759 ngày 04/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn. Chị M đã nộp đủ.

3. Chị Đặng Thị M, anh Triệu Tài X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Yên Bái;
- UBND xã N1;
- VKSND.H Văn Chấn;
- CCTHADS.H Văn Chấn;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lương Nguyễn Thắng